

Số: 49/2023/QĐST - HNGĐ

Đông Đa, ngày 16 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- **Anh Đ T A**, sinh năm: 1989; Hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã A S, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Nơi làm việc: Công ty TNHH T, số nhà A9, khu X1, ngõ 73 N H, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- **Chị L T T T**, sinh năm: 1992; Hộ khẩu thường trú: Thôn P V, xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đ T A và chị L T T T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng ngày 18/01/2017.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách. Mâu thuẫn trầm trọng căng thẳng thường xuyên kéo dài và cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay.

Anh T A và chị T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh T A và chị T có 01 con chung là: cháu Đ N M (Nam) sinh ngày 18/02/2017. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, anh T A cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 (Tám triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2023.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh T A và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh T A và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T A và chị T thống nhất để anh T A chịu cả 300.000 đồng - lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ T A và chị L T T T.

- **Về con chung:** Xác nhận anh T A và chị T có 01 con chung là cháu Đ N M (Nam) sinh ngày 18/02/2017. Giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T A cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 (Tám triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế;

Anh T A có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh T A và chị T không có, không yêu cầu nên không xét.

- **Về nợ:** Anh T A và chị T không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh T A và chị T để anh T A chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Anh T A đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0071339 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Anh T A đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### Nơi nhân:

- VKSND quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- UBND xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thanh T**